

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST

Ngày: 06- 5 -2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thành Tiết.

2. Ông Nguyễn Văn Xem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoài Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Thạch Thị C, sinh năm 1956 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 03/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Thạch T (đã chết) và bà Thạch Thị C1 (đã chết); chồng Lâm Sa V; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1986; Tiền án: Không có; Tiền sự: Không có; Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15 tháng 10 năm 2020 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị C: Bà Trần Thị Hợp là Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- Người phiên dịch: Ông Thạch Quone - Cán bộ hưu trí huyện Cầu Kè. (có mặt)

- Bị hại: Bà Lâm Thị S, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Thị S: Ông Nguyễn Công Hiệu là Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt)..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1968 (có đơn vắng xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 1, xã P1, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Lâm Thị Na U, sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ông Kha Quốc T, sinh năm 1973 (có đơn vắng xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã P1, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1966 (có đơn vắng xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà Lâm Thị Na R, sinh năm 1980 (có đơn vắng xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do bị cáo đang bị bệnh nhưng cuộc sống khó khăn nên bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà Lâm Thị S để có tiền trị bệnh nên khoảng 04 giờ sang ngày 10 tháng 9 năm 2020 bà S đến nhà của bị cáo mua xôi đem vào chùa, lúc này bị cáo biết nhà bà S không có ai trong giữ nên bị cáo một mình đi đến nhà của bà S cách đó khoảng 200m, mục đích là tìm tài sản để trộm. Bị cáo đi đến cửa sau nhà bà S thì thấy cửa đã khóa chốt bên trong, sau khi mở được chốt khóa bị cáo đi vào trong nhà, lúc này trong nhà có mở đèn chiếu sáng nên bị cáo quan sát được đồ vật trong nhà. Bị cáo đi lên nhà trước, đến vị trí tủ bằng gỗ thì thấy cửa tủ đã bị khóa, bị cáo quan sát xung quanh để tìm chìa khóa mở tủ nhưng không tìm thấy nên bị cáo đi xuống nhà sau để tìm chìa khóa và đã tìm được chìa khóa đang gắn trên tủ nhà sau. Bị cáo liền lấy xâu chìa khóa đi lên nhà trước để mở cửa tủ gỗ thì mở được cửa tủ. Sau đó bị cáo dùng tay phải đưa vào bên trong tủ tìm kiếm tài sản thì gặp một cái túi bằng vải nên bị cáo lấy cất vào trong người rồi đóng cửa tủ lại và đi ra nhà sau gắn lại chìa khóa vào tủ áo rồi đi ra ngoài theo đường đã vào lúc đầu. Khi đi ra ngoài bị cáo không khóa cửa nhà sau lại. Về đến nhà, bị cáo lấy túi vải ra kiểm tra thì thấy các loại tài sản gồm: 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh, có móc khóa hai đầu bằng kim loại màu vàng; 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ; 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, bị cáo không biết thật giả và trọng lượng; 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K kèm theo 01 (một) mặt cẩm thạch màu xanh, hình tròn có viền bao bên ngoài vàng 18K, không biết rõ trọng lượng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K, có gắn nhiều hạt nhỏ màu trắng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18K có đính mặt cẩm thạch màu đỏ sậm (trọng lượng 0,8 chỉ).

Sau khi kiểm tra xong bị cáo lấy ra 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ cất giữ trong người, số còn lại đem cất giấu trong nhà sau.

Ngày 11/9/2020 bị cáo đem chiếc nhẫn đeo tay đã cất giấu trong người đem bán tại tiệm vàng HV được giá là 10.125.000 đồng.

Ngày 20/9/2020 bị cáo lấy một sợi dây chuyền vàng 18k kèm theo 01 (một) mặt cẩm thạch màu xanh, hình tròn có viền bao bên ngoài vàng 18k, đi đến nhà bà Thạch Thị H (là em ruột của bị cáo) để nhờ bà H đi cầm sợi dây chuyền bằng vàng 18k thì bà H đồng ý, còn mặt dây chuyền cẩm thạch màu xanh hình tròn, có viền bao bên ngoài bằng vàng 18k thì bị cáo cất giữ trong người. Sau đó bà H đi đến tiệm vàng Kim K cầm với giá 6.000.000 đồng, bà H đưa cho bị cáo 5.000.000 đồng, còn lại 1.000.000 đồng bị cáo kêu bà H giữ lại để đóng lãi. Ngoài ra, bị cáo còn lấy thêm một chiếc nhẫn bằng vàng 18k có gắn hột màu đỏ xam đến bán ở tiệm vàng xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh với giá 2.125.000 đồng, tuy nhiên bị cáo không nhớ rõ địa chỉ và tên tiệm vàng đã bán. Số tiền bán vàng bị cáo sử dụng để trị bệnh cho chồng và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản bà S đã đến cơ quan điều tra trình báo sự việc và điện thoại hỏi bị cáo về việc có lấy trộm tài sản hay không, thì bị cáo thừa nhận là có lấy trộm tài sản của bà S. Do đang nằm điều trị bệnh tại bệnh viện nên bị cáo C đã chỉ chỗ cất giấu vàng cho con gái tên Lâm Thị Na R tìm lấy giao nộp cho cơ quan điều tra như sau: 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng có kích thước 19cm x 1,5cm (ký hiệu A1); 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng có kích thước 18,5cm x 1,7cm (ký hiệu A1); 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính nhiều hột nhỏ màu trắng (ký hiệu A1); 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh, có gắn móc khóa bằng kim loại màu vàng. Riêng sợi dây chuyền bằng vàng 18k bị cáo đã nhờ bà H đem cầm tại tiệm vàng K cơ quan điều tra đã thu hồi, có kích thước 56cm x 0,5cm (ký hiệu B1);

Quá trình làm việc bà S khai nhận mất trộm tài sản gồm: 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24k, trọng lượng 10 chỉ; 01 (một) tấm lắc bằng kim loại màu vàng (khai nhận là vàng giả); 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn vàng 18k, có đính hột màu đỏ xam, trọng lượng 0,8 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, không nhớ rõ trọng lượng; 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh, có gắn móc khóa bằng kim loại màu vàng (được bà S mua với giá 200.000 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k kèm theo một mặt cẩm thạch màu xanh, hình tròn có viền bao bên ngoài bằng vàng 18k, trọng lượng 04 chỉ. Đối với mặt dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh, hình tròn, có viền bao bên ngoài bằng vàng 18k, bị cáo giao cho con gái tên Lâm Thị Na R để trả cho bà S. Cơ quan điều tra yêu cầu bà S giao nộp để tiến hành làm thủ tục trưng cầu định giá nhưng bà S không chịu nộp.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra Quyết định trưng cầu giám định đối với những mẫu vật có ký hiệu A1, B1 có phải là kim loại vàng không, nếu có hàm lượng vàng là bao nhiêu phần trăm, trọng lượng cụ thể của từng kim loại vàng là bao nhiêu. Tại kết luận giám định số: 6071/C09B ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành

phô Hồ Chí Minh xác định 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng có kích thước 19cm x 1,5cm, khối lượng 37,5133 gam, hàm lượng vàng 96,57% (vàng 24K, trọng lượng 10,003 chỉ); 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng có kích thước 18,5cm x 1,7 cm, khối lượng 28,5967 gam, không có thành phần kim loại vàng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, có khối lượng 6,3363 gam, hàm lượng vàng 62,36% (vàng 18K, trọng lượng 1,689 chỉ); 01 (một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có kích thước 56cm x 0,5 cm, khối lượng 11.8835gam, hàm lượng vàng 67,85% (vàng 18K, trọng lượng 3,168 chỉ).

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị của 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10,003 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, trọng lượng 1,689 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 3,168 chỉ tại thời điểm ngày 10 tháng 9 năm 2020 có giá trị là bao nhiêu tiền. Tại bản kết luận số: 44/BKL-HĐĐG ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Cầu Kè xác định 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10,003 chỉ có giá trị 52.260.000đồng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, trọng lượng 1,689 chỉ có giá trị 5.698.000đồng; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 3,168 chỉ có giá trị 11.543.000đồng. Đối với 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 0,8 chỉ bị cáo C đã bán nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè ra Quyết định trưng cầu giám định để xác định giá trị tài sản của 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 0,8 chỉ và 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh hình tròn có móc khóa bằng kim loại màu vàng. Tại bản kết luận định giá số: 03/BKL-HĐĐG ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Cầu Kè xác định 01 (một) chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ có giá trị 10.630.000đồng; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 0,8 chỉ có giá trị 3.064.800đồng; 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh hình tròn có móc khóa bằng kim loại màu vàng có giá trị 200.000đồng.

Bà Thạch Thị H khai nhận ngày 20 tháng 9 năm 2020 bị cáo C có đến nhờ bà đi cầm 01 (một) sợi dây chuyền với giá 6.000.000đồng, bà đồng ý đi cầm, vì bị cáo C nói sợi dây chuyền mượn của con gái. Sau đó, bà H đem sợi dây chuyền đến tiệm vàng K cầm với số tiền 6.000.000đồng. Được số tiền trên bà H về đưa lại cho bị cáo C nhưng bị cáo chỉ lấy 5.000.000đồng, còn 1.000.000đồng bị cáo kêu bà H giữ lại để đóng lãi. Số tiền bà H giữ lại để đóng lãi bà H đã đưa lại cho Lâm Thị Na R (con ruột) bị cáo C cất giữ.

Đối với bà Lâm Thị Na R không hay biết sự việc bị cáo C lấy trộm tài sản, bà Na R đã trao trả lại 01 (một) sợi dây chuyền bằng cẩm thạch màu xanh hình tròn có viền bên ngoài bằng vàng 18K cho bà S. Số tiền 1.000.000đồng mà bà H giao

cất giữ thì Na R đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Kè.

Đối với bà Đoàn Thị K là chủ tiệm vàng K xác định vào ngày 20 tháng 9 năm 2020, bà Thạch Thị H có đến tiệm vàng của bà để cầm 01 (một) sợi dây chuyền với giá 6.000.000đồng, bà K không biết sợi dây chuyền bà nhận cầm là do trộm cắp có được. Sau khi biết sợi dây chuyền bà cầm là tài sản trong vụ trộm cắp nên bà K đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra.

Đối với ông Kha Văn T là chủ tiệm vàng HV. Quá trình làm việc ông T không xác định được bị cáo C có đến tiệm vàng của ông để bán 01 (một) chiếc nhẫn đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ hay không. Đối với kim loại vàng khi mua vào ông T sẽ chế tác thành các mẫu trang sức khác nhau, không có lưu trữ lại nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-HS ngày 07/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Thạch Thị C về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Thạch Thị C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng thể hiện là đúng, bị cáo không bổ sung hay khiếu nại về nội dung Cáo trạng.

Căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị cáo Thạch Thị C, biên bản hỏi cung bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định số 6071/C09B ngày 12/10/2020 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, Kết luận số 44/BKL ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá và Bản kết luận định giá tài sản số: 03/BKL-HĐĐG ngày 29/01/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè cùng những tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định hành vi của bị cáo Thạch Thị C đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, vì đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị: áp dụng c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Thạch Thị C từ 24 đến 36 tháng tù nhưng áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo cho bị cáo được hưởng án treo; thời gian thử thách 48 đến 60 tháng. Giao bị cáo Thạch Thị C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải giá trị tài sản cho bị hại 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K có gắn

hột màu đỏ xậm, trong lượng 0,8 chỉ. Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/01/2021 với số tiền là 13.694.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Lâm Thị S nhân số tài sản gồm: 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10,003 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K, có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, trọng lượng 1,689 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 3,168 chỉ; 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh, hình tròn, có gắn móc khóa bằng kim loại màu vàng và 01 tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (kết quả giám định vàng giả).

Đối với số tiền 6.000.000 đồng do chị Lâm Thị Na U đã dùng tiền cá nhân để chuộc lại sợi dây chuyền do bị cáo cầm tại cửa hàng của K. Bị cáo đã sử dụng hết 5.000.000 đồng; Còn lại 1.000.000 đồng do bà H quản lý và đã giao chị Na R; chị Na R đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Hiện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án quản lý đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, chị Na U không nhận lại số tiền 1.000.000 đồng cầm vàng và đồng ý cho lại bà S; bà S đồng ý nhận số tiền này nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Na U. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại chị Na U không yêu cầu bị cáo trả lại nên không xem xét.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Thạch Thị C: Tại phiên tòa, người bào chữa cũng thống nhất với nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo Thạch Thị C. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, bị cáo xuất thân từ thành phần nhân dân lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, bị cáo là người dân tộc nên khả năng nhận thức về pháp luật còn hạn chế, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật tố tụng hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để cho bị cáo C hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị cáo Thạch Thị C thống nhất với ý kiến bào chữa của Vị Luật sư, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi mà bị cáo vẫn bất chấp pháp luật dẫn đến phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử lý bị cáo đúng quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật.

Người bị hại thống nhất với ý kiến của vị Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, tuy nhiên về trách nhiệm hình sự, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị cáo Thạch Thị C nói lời sau cùng: Bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét hành vi của bị cáo Thạch Thị C: Bị cáo C biết bà Lâm Thị S có thói quen thường thức dậy sớm để đi chùa, nhà bà S không có ai trong giữ nên bị cáo C nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của bà S để có tiền chữa bệnh và chi tiêu cá nhân. Do đó, vào khoảng 04 giờ ngày 10 tháng 9 năm 2020 bị cáo C một mình đi bộ từ nhà tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh đến nhà của bà S cách nhà bị cáo khoảng 200 mét. Khi đến nhà bà S, bị cáo lén lút đi vào nhà bằng cửa sau nhưng cửa bị khóa chốt bên trong nên bị cáo dùng tay phải đưa qua khe cửa lá xách để mở chốt khóa và bị cáo đã mở được cửa nhà sau. Sau đó, bị cáo đi vào bên trong nhà, bị cáo tìm được chìa khóa mở cửa tủ để ở nhà sau, bị cáo dùng tay phải đưa vào bên trong tủ tìm kiếm tài sản để trộm thì gặp một cái túi bằng vải có tài sản gồm: 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10,003 chỉ; 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (vàng giả); 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K có đính nhiều hạt nhỏ màu trắng, trọng lượng 1,689 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18K có gắn hạt màu đỏ xậm, trọng lượng 0,8 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 02 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3,168 chỉ kèm theo 01 (một) mặt cẩm thạch màu xanh hình tròn có viền bao bên ngoài bằng vàng 18K (không rõ trọng lượng) và 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh có móc khóa hai đầu bằng kim loại màu vàng. Sau khi lấy trộm được tài sản thì bị cáo cất vào trong người rồi đóng cửa tủ lại và đi ra nhà sau gắn lại chìa khóa vào tủ áo rồi đi ra ngoài theo đường đã vào lúc đầu. Theo kết quả định giá tài sản thì giá trị tài sản mà bị cáo C lấy trộm là 83.395.800 đồng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng; Kết luận giám định số 6071/C09B ngày 12/10/2020 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận số 44/BKL ngày 18/12/2020 của Hội đồng định giá và Bản kết luận định giá tài sản số: 03/BKL-HĐĐG ngày 29/01/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Kè cùng những tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Thạch Thị C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2

Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo C là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho những người dân nơi địa phương mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, làm cho họ không an tâm trong việc bảo quản tài sản của mình, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm; Thay vì, bị cáo cần phải làm tốt vai trò của bản thân trong gia đình là nuôi dưỡng, giáo dục con cháu về nhân cách, ý thức chấp hành pháp luật thì bị cáo chỉ vì hám lợi trước mắt, muốn nhanh chóng có tài sản mà không phải do lao động chân chính để có được nên bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác làm ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh và trong đấu tranh phòng chống tội phạm cũng như bày trừ các tệ nạn xã hội tại địa phương. Để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cho bị cáo có điều kiện học tập và cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo C cũng cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thì bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Khi bị hại trình báo với cơ quan điều tra thì bị cáo đã tự thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản của bị hại lúc bị hại hỏi bị cáo về việc bị mất trộm tài sản, bị cáo đã tự nguyện chỉ chỗ cất giấu và giao nộp lại một phần tài sản đã trộm. Bị cáo được người bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Từ những tình tiết nêu trên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bản thân bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Mặc khác, xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo cho bị cáo Thạch Thị C được hưởng án treo, giao bị cáo Thạch Thị C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Thạch Thị C phải giá trị tài sản cho bị hại Lâm Thị S 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ và 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18k có gắn hột màu đỏ xam, trọng lượng 0,8 chỉ. Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/01/2021 với số tiền là 13.694.000 đồng.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng do chị Lâm Thị Na U đã dùng tiền cá nhân để chuộc lại sợi dây chuyền do bị cáo C cầm tại cửa hàng của K. Bị cáo đã sử dụng hết 5.000.000 đồng; Còn lại 1.000.000 đồng do bà H quản lý và đã giao chị Na R; chị Na R đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Hiện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án quản lý đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, chị Na U tự nguyện giao cho bà S số tiền 1.000.000 đồng và bà S đồng ý nhận số tiền này cho nên ghi nhận sự tự nguyện của chị Na U. Số tiền 5.000.000 đồng còn lại chị Na U không yêu cầu bị cáo C trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Lâm Thị S nhận số tài sản gồm: 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng vàng 24k, trọng lượng 10,003 chỉ; 01 (một) chiếc nhẫn bằng vàng 18k, có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, trọng lượng 1,689 chỉ; 01 (một) sợi dây chuyền bằng vàng 18k, trọng lượng 3,168 chỉ; 01 (một) vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh, hình tròn, có gắn móc khóa bằng kim loại màu vàng; 01 (một) tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (kết quả giám định vàng giả).

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Thạch Thị C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với quan điểm đề nghị của vị Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có căn cứ một phần nên chấp nhận.

[8] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Thạch Thị C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Thạch Thị C 03 (ba) năm tù nhưng cho bị cáo Thạch Thị C được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Thạch Thị C cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Thạch Thị C phải giá trị tài sản cho bị hại 01 chiếc nhẫn bằng vàng 24k, trọng lượng 02 chỉ và 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18k có gắn hột màu đỏ xậm, trọng lượng 0,8 chỉ. Theo kết quả định giá tài sản ngày 29/01/2021 với số tiền là 13.694.000 đồng.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lâm Thị Na U cho bà Lâm Thị S được nhận số tiền 1.000.000 đồng, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè đang quản lý. Còn lại số tiền 5.000.000 đồng do chị Na U không yêu cầu bị cáo C trả lại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Lâm Thị S nhận số tài sản gồm: 01 tấm lắc đeo tay bằng vàng 24K, trọng lượng 10,003 chỉ; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, có đính nhiều hột nhỏ màu trắng, trọng lượng 1,689 chỉ; 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 3,168 chỉ; 01 vòng đeo tay bằng cẩm thạch màu xanh, hình tròn, có gắn móc khóa bằng kim loại màu vàng và 01 tấm lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng (kết quả giám định vàng giả).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thạch Thị C nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Thạch Thị C nộp 684.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Công an huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã Phong Phú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai